

MUA

Mức tăng giá mục tiêu: **+38,7%**
 Đóng cửa: **24/10/2025**
 Giá hiện tại: **92.400 đồng**
 Giá mục tiêu 12T: **128.139 đồng**

Tương quan giá cổ phiếu với VN-Index



Vốn hóa thị trường (tỷ USD)	1,4
GTGD BQ 6 tháng (triệu USD)	9,0
SLCP đang lưu hành (triệu CP)	380
Tỷ lệ chuyển nhượng tự do (%)	60,0
Sở hữu nước ngoài (%)	12,0
Room ngoại còn lại (%)	37,0
Cổ đông lớn (%)	31,0
Nợ ròng/ VCSH 2025E	Tiền mặt ròng
Giá trị sổ sách 2025E (đồng)	42.942
P/B 2025E (x)	2,2
P/E 2025E (x)	11,5

Tình hình tài chính

Năm tài chính	2023A	2024A	2025E	2026E
Doanh thu (tỷ đồng)	9.748	9.865	11.367	15.017
EPS (VND)	7.671	7.392	8.007	10.325
ROA (%)	21,4	19,0	18,9	20,4
ROE (%)	27,1	23,2	21,6	23,0
Tỷ lệ chi trả (%)	39,1	40,6	37,5	29,1
Lợi suất cổ tức* (%)	3,2	3,2	3,2	3,2

Nguồn: DGC, Fiinpro-X, Bloomberg, Yuanta Việt Nam

* Dựa trên giá đóng cửa ngày 24/10/2025

Chuyên viên phân tích:

Nguyễn Ngân Hoài An

+84 28 3622 6868 ext 3958

An.nguyen@yuanta.com.vn

Bloomberg code: YUTA

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)

Giá bán bình quân gây áp lực lên KQKD Q3/2025

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế khiêm tốn trong Q3/2025, chủ yếu do giá bán photpho vàng (P4) sụt giảm.

Tiêu điểm

Đà tăng trưởng chững lại trong Q3/2025. Doanh thu giảm (-2,7% QoQ / +10,1% YoY) xuống 2,8 nghìn tỷ đồng. LNST giảm (-9,7% QoQ / +9,0% YoY) đạt 891 tỷ đồng.

Chúng tôi cho rằng KQKD khiêm tốn theo quý này chủ yếu là do giá bán P4 sụt giảm -4,2% QoQ trong Q3/2025. Sản phẩm này đóng góp khoảng 47% doanh thu 1H2025 của DGC.

Tác động này được bù đắp một phần nhờ giá bán bình quân (ASP) tăng ở các sản phẩm khác, cụ thể: 1) axit photphoric nhiệt phân (+0,7% QoQ), chiếm 10% doanh thu 1H2025; 2) phân DAP (+6,5% QoQ), chiếm 8% doanh thu; và 3) phân MAP (+9,6% QoQ), chiếm 13% doanh thu 1H2025. Ngược lại, giá điện tăng 4,8% từ tháng 05/2025 đã làm tăng chi phí sản xuất, gây áp lực lên lợi nhuận.

Doanh thu 9T2025 (+14,4% YoY) đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch cả năm và 75% dự báo 2025E của chúng tôi.

LNST 9T2025 (+9,0% YoY) đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, đạt 84% mục tiêu cả năm của ban lãnh đạo và 75% dự báo 2025E của chúng tôi.

Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của DGC đã giảm 2 điểm % YoY xuống còn 33.3% trong 9M25. Chúng tôi cho rằng điều này chủ yếu do 1) giá quặng apatit đầu vào vẫn duy trì ở mức cao trong bối cảnh thiếu hụt nguồn cung kể từ Q3/2024; và 2) giá điện đã tăng khoảng 4,8% bắt đầu từ tháng 05/2025 như chúng tôi đã đề cập ở trên cũng góp phần đẩy chi phí lên cao.

Hoạt động khai thác gặp trở ngại. Hiện DGC dự kiến các phê duyệt cần thiết cho việc mở rộng khai trường 25 và 19b sẽ được thông qua vào năm 2026, muộn hơn so với kỳ vọng ban đầu của chúng tôi là vào Q4/2025. Do đó, chúng tôi cũng lùi kỳ vọng về sự cải thiện biên lợi nhuận gộp của DGC sang năm 2026. Trong thời gian chờ đợi, DGC sẽ tiếp tục nhập khẩu quặng với giá cạnh tranh từ Ai Cập để bổ sung nguồn cung.

Cập nhật dự án Nghi Sơn (CAV). Ban lãnh đạo đã tái cấu trúc Giai đoạn 1A thành 02 giai đoạn. DGC hiện kỳ vọng hoàn thành phê duyệt đầu tư và khởi công xây dựng Giai đoạn 2 vào Q3/2026. Chúng tôi chưa đưa Giai đoạn 2 vào mô hình định giá, cho thấy tiềm năng tăng giá nếu các phê duyệt được thực hiện như kỳ vọng của ban lãnh đạo.

Quan điểm

Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với DGC với giá mục tiêu 128.139 đồng, tương đương TSSL kỳ vọng 12 tháng là 41,9%. Giá cổ phiếu DGC đã giảm -21,1% YTD, phản ánh những lo ngại về sự bất ổn kinh tế toàn cầu, và hiện đang giao dịch ở mức P/E bình quân lịch sử 5 năm.

Chúng tôi xem DGC chủ yếu như một cơ hội đầu tư gián tiếp vào ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu. Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem [báo cáo lần đầu](#) của chúng tôi được công bố vào ngày 09/01. Do đó, chúng tôi xem mức giá cổ phiếu chiết khấu hiện tại là một cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư dài hạn, dựa trên các yếu tố cơ bản vững chắc của công ty.

Giá mục tiêu của chúng tôi tương đương mức P/E hợp lý là 16,0x cho năm 2025E (PEG 1,9x) và 12,4x cho năm 2026E (PEG 0,4x).

ANALYST CERTIFICATION AND IMPORTANT DISCLOSURES ARE LOCATED IN APPENDIX A.

Yuanta does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision.

Điều chỉnh dự án Nghi Sơn (CAV)

DGC đã phê duyệt việc điều chỉnh dự án đầu tư Nghi Sơn (CAV) vào ngày 15/09/2025. Giai đoạn 1A sẽ được tái cấu trúc thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2. Giai đoạn 1 sẽ giữ nguyên công suất ban đầu là 151.000 tấn hóa chất/năm, trong khi Giai đoạn 2 sẽ bổ sung thêm 75.500 tấn/năm. Tổng vốn đầu tư cho cả 02 giai đoạn sẽ tăng lên 2,9 nghìn tỷ đồng từ mức 2,4 nghìn tỷ đồng trước đây, chi tiết như sau:

Bảng 1. Kế hoạch ban đầu của dự án Nghi Sơn (CAV)

	Phase 1A		Phase 1B		Phase 2	
Total investment	VND 2.4tn		will be disclosed later		will be disclosed later	
Expected usable area	30ha		50ha			
Total capacity	151,000 ton/year		100,000 ton/year		150,000 ton/year	
Products	• NaOH (100%)	: 50,000 ton/year	• NaOH (100%)	: 100,000 ton/year	• Polyvinyl clorua (PVC)	: 150,000 ton/year
	• Hydrochloric acid (HCl, 31%)	: 15,000 ton/year				
	• Javel (10%)	: 10,000 ton/year				
	• PAC	: 30,000 ton/year				
	• Ca(OCl) ₂	: 20,000 ton/year				
	• Chloramine B	: 1,000 ton/year				
	• Phosphorous acid (H3PO3)	: 10,000 ton/year				
	• Liquid Cl2	: 5,000 ton/year				
	• CaCl2	: 10,000 ton/year				

Nguồn: DGC, Yuanta Việt Nam

Bảng 2. Kế hoạch điều chỉnh của dự án Nghi Sơn (CAV)

	Phase 1		Phase 2		Phase 3		Phase 4	
Total investment	VND 2.9tn				will be disclosed later		will be disclosed later	
Expected usable area	30ha				50ha			
Total capacity	151,000 ton/year		75,500 ton/year		100,000 ton/year		150,000 ton/year	
Products	• NaOH (100%)	: 50,000 ton/year	• K2SO4	: 20,000 ton/year	• NaOH (100%)	: 100,000 ton/year	• Polyvinyl clorua (PVC)	: 150,000 ton/year
	• Hydrochloric acid (HCl, 31%)	: 15,000 ton/year	• H2O2 (100%)	: 15,000 ton/year				
	• Javel (10%)	: 10,000 ton/year	• High-purity, basic chemicals (100%)	: 500 ton/year				
	• PAC	: 30,000 ton/year	• Battery	: 2,000,000 kWh/year, equivalent to 40,000 tons/year.				
	• Ca(OCl)2	: 20,000 ton/year						
	• Chloramine B	: 1,000 ton/year						
	• Phosphorous acid (H3PO3)	: 10,000 ton/year						
	• Liquid Cl2	: 5,000 ton/year						
	• CaCl2	: 10,000 ton/year						

Nguồn: DGC, Yuanta Việt Nam

Lý do điều chỉnh: Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường mạnh mẽ đối với các sản phẩm này.

Các giai đoạn của dự án và khung thời gian:

- Giai đoạn 1:** Dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động thương mại vào Q2/2026, phù hợp với dự báo của chúng tôi.
- Giai đoạn 2:** Dự kiến hoàn tất mọi phê duyệt đầu tư và bắt đầu xây dựng từ Q3/2026, dự kiến đi vào hoạt động thương mại từ Q4/2027.
- Giai đoạn 3 & 4:** Thông tin chi tiết sẽ được công bố sau.

Chúng tôi chưa đưa Giai đoạn 2, 3, 4 vào mô hình định giá do thiếu thông tin chi tiết và hiện các dự án này vẫn chưa nhận được phê duyệt đầu tư chính thức. Do đó, chúng tôi xem đây là các tiềm năng tăng giá nếu tiến độ của các dự án được thực hiện theo kỳ vọng của ban lãnh đạo.

PROFIT AND LOSS (VND bn)					
<i>FY Dec 31 (VND'bn)</i>	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Revenue	9,748	9,865	11,367	15,017	17,729
Yellow phosphorus	3,692	4,253	5,096	5,998	6,994
Thermal phosphoric acid (HPO)	2,166	1,508	1,645	1,953	2,278
Wet-processed phosphoric acid (WPA)	1,274	265	226	1,557	1,815
Fertilizers	1,353	2,284	2,613	2,368	2,880
Feed additives	795	945	1,048	1,222	1,425
Others	468	611	738	1,918	2,337
Cost of goods sold	(6,308)	(6,415)	(7,566)	(9,979)	(11,431)
Gross profits	3,440	3,449	3,801	5,038	6,298
Operating expenses	(594)	(618)	(712)	(940)	(1,110)
Operating profits	2,846	2,832	3,089	4,098	5,188
Net interest expenses	641	580	618	650	684
Net investments income/(loss)	-	-	-	-	-
Net other incomes	(1)	(12)	(13)	(18)	(21)
Pretax profits	3,485	3,400	3,694	4,730	5,851
Income taxes	(243)	(293)	(332)	(426)	(527)
Minority interests	142	121	127	133	140
Net profits	3,100	2,987	3,235	4,172	5,184
EBITDA	3,204	3,200	3,484	4,506	5,599
EPS (VND)	7,671	7,392	8,007	10,325	12,832

KEY RATIOS					
	2023A	2024E	2025E	2026E	2027E
Growth (% YoY)					
Sales	-32.5%	1.2%	15.2%	32.1%	18.1%
Yellow phosphorus	-53.6%	15.2%	19.8%	17.7%	16.6%
Thermal phosphoric acid (HPO)	43.5%	-30.4%	9.1%	18.7%	16.6%
Wet-processed phosphoric acid (WPA)	-28.0%	-79.2%	-14.7%	589.0%	16.6%
Fertilizers	-29.1%	68.8%	14.4%	-9.4%	21.6%
Feed additives	-17.8%	18.8%	11.0%	16.6%	16.6%
Others	40.5%	30.7%	20.7%	159.9%	21.8%
Operating profit	-52.6%	-0.5%	9.1%	32.6%	26.6%
EBITDA	-49.0%	-0.1%	8.9%	29.4%	24.3%
Net profit	-44.3%	-3.7%	8.3%	29.0%	24.3%
EPS (VND)	-44.3%	-3.6%	8.3%	29.0%	24.3%
Profitability ratio (%)					
Gross margin	35.3	35.0	33.4	33.5	35.5
Operating margin	29.2	28.7	27.2	27.3	29.3
EBITDA margin	32.9	32.4	30.6	30.0	31.6
Net margin	31.8	30.3	28.5	27.8	29.2
ROA	21.4	19.0	18.9	20.4	20.6
ROE	27.1	23.2	21.6	23.0	23.2
Stability					
Net debt/equity (%)	-75.5	-71.7	-70.2	-66.8	-69.3
Int. coverage (x)	89.1	130.8	168.1	179.4	183.0
Int. &ST debt coverage (x)	3.3	2.6	3.4	3.6	3.7
Cash conversion days	61.8	60.5	51.7	48.3	51.2
Current ratio (X)	3.6	6.2	7.4	7.0	7.5
Quick ratio (X)	3.3	5.7	6.8	6.4	7.0
Net cash/(debt) (VND mn)	9,075	9,821	11,443	13,340	17,163
Efficiency					
Days receivable outstanding	23.1	22.5	18.8	18.9	19.9
Days inventory outstanding	53.7	52.3	49.4	45.1	48.1
Days payable outstanding	14.9	14.3	16.5	15.7	16.7

Source: Company data, YSVN

BALANCE SHEET (VND bn)					
<i>FY Dec 31 (VND'bn)</i>	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Total assets	15,536	15,821	18,373	22,549	27,746
Cash & cash equivalents	1,061	116	283	677	2,641
ST Investment	9,342	10,570	12,156	13,979	16,076
Accounts receivable	1,130	980	1,154	1,373	1,538
Inventories	855	985	1,064	1,403	1,607
Other current assets	80	50	50	50	50
Net fixed assets	2,144	2,496	2,977	4,243	4,929
Others	926	625	690	823	904
Total liabilities	3,509	2,120	2,065	2,581	2,971
Current liabilities	3,493	2,053	1,998	2,514	2,904
Accounts payable	190	313	369	487	558
ST debts	1,328	865	996	1,316	1,554
Long-term liabilities	16	67	67	67	67
Long-term debts	-	-	-	-	-
Others	16	67	67	67	67
Shareholder's equity	12,027	13,701	16,308	19,969	24,775
Share capital	3,798	3,798	3,798	3,798	3,798
Treasury stocks	(0)	(0)	(0)	(0.0)	(0.0)
Others	123	568	852	1,192	1,600
Retained earnings	5,989	7,205	9,495	12,777	17,133
Minority Interest	330	343	377	415	457

CASH FLOW (VND bn)					
<i>FY (VND'bn)</i>	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Operating cash flow	4,523	3,283	5,011	6,623	8,045
Net income	3,100	2,987	3,235	4,172	5,184
Dep. & amortisation	358	368	394	408	412
Change in working capital	(24)	(927)	(440)	(364)	(216)
Others	1,089	855	1,821	2,407	2,665
Investment cash flow	(4,719)	(2,625)	(3,836)	(5,410)	(5,179)
Net capex	(816)	(369)	(521)	(1,290)	(700)
Change in LT investment	(287)	300	(65)	(133)	(81)
Change in other assets	(3,616)	(2,557)	(3,250)	(3,986)	(4,398)
Cash flow after invt.	(196)	658	1,175	1,213	2,866
Financing cash flow	(279)	(1,603)	(1,008)	(819)	(902)
Change in share capital	-	-	-	-	-
Net change in debt	860	(463)	132	320	238
Change in other LT liab.	(1,139)	(1,139)	(1,139)	(1,139)	(1,139)
Net change in cash flow	(475)	(945)	168	394	1,964
Beginning cash flow	1,535	1,061	116	283	677
Ending Cash Balance	1,061	116	283	677	2,641

KEY METRICS					
	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
PE (x)	12.0	12.5	11.5	8.9	7.2
Diluted PE (x)	12.0	12.5	11.5	8.9	7.2
PB (x)	2.9	2.6	2.2	1.8	1.4
EBITDA/share	8,436	8,426	9,173	11,865	14,744
DPS	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Dividend yield (%)	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
EV/EBITDA (x)	8.1	7.9	6.8	4.8	3.2
EV/EBIT (x)	9.1	8.9	7.7	5.3	3.5

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2019 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.

Taiwan persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Attn: Research
Yuanta Securities Investment Consulting
4F, 225,
Section 3 Nanking East Road, Taipei 104
Taiwan

Hong Kong persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Attn: Research
Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Ltd
23/F, Tower 1, Admiralty Centre
18 Harcourt Road,
Hong Kong

Korean persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Head Office
Yuanta Securities Building
Euljiro 76 Jung-gu
Seoul, Korea 100-845

Tel: +822 3770 3454

Indonesia persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Attn: Research
PT YUANTA SECURITIES INDONESIA
(A member of the Yuanta Group)
Equity Tower, 10th Floor Unit EFGH
SCBD Lot 9
Jl. Jend. Sudirman Kav. 52-53
Tel: (6221) – 5153608 (General)

Thailand persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Research department
Yuanta Securities (Thailand)
127 Gaysorn Tower, 16th floor
Ratchadamri Road, Pathumwan
Bangkok 10330

Vietnam persons wishing to obtain further information on any of the securities mentioned in this publication should contact:

Research department
Yuanta Securities (Vietnam)
4th Floor, Saigon Centre
Tower 1, 65 Le Loi Boulevard,
Ben Nghe Ward, District 1,
HCMC, Vietnam

For U.S. persons only: This research report is a product of Yuanta Securities Vietnam Limited Company, under Marco Polo Securities 15a-6 chaperone service, which is the employer of the research analyst(s) who has prepared the research report. The research analyst(s) preparing the research report is/are resident outside the United States (U.S.) and are not associated persons of any U.S. regulated broker-dealer and therefore the analyst(s) is/are not subject to supervision by a U.S. broker-dealer, and is/are not required to satisfy the regulatory licensing requirements of FINRA or required to otherwise comply with U.S. rules or regulations regarding, among other things, communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account.

Research reports are intended for distribution only to "Major Institutional Investors" as defined by Rule 15a-6(b)(4) of the U.S. Securities and Exchange Act, 1934 (the Exchange Act) and interpretations thereof by U.S. Securities and Exchange Commission (SEC) in reliance on Rule 15a-6(a)(2). If the recipient of this report is not a Major Institutional Investor as specified above, then it should not act upon this report and return the same to the sender. Further, this report may not be copied, duplicated and/or transmitted onward to any U.S. person, which is not the Major Institutional Investor. In reliance on the exemption from registration provided by Rule 15a-6 of the Exchange Act and interpretations thereof by the SEC in order to conduct certain business with Major Institutional Investors, Yuanta Securities Vietnam Limited Company has entered into a chaperoning agreement with a U.S. registered broker-dealer, Marco Polo Securities Inc. ("Marco Polo").

Transactions in securities discussed in this research report should be affected through Marco Polo or another U.S. registered broker dealer.

YUANTA SECURITIES NETWORK



YUANTA SECURITIES VIETNAM OFFICE

Head office: 4th Floor, Saigon Centre, Tower 1, 65 Le Loi Boulevard, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC, Vietnam

Institutional Research

YUANTA SECURITIES VIETNAM OFFICE

Head office: 4th Floor, Saigon Centre, Tower 1, 65 Le Loi Boulevard, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC, Vietnam

Institutional Research

Matthew Smith, CFA

Head of Research

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3815)

matthew.smith@yuanta.com.vn

Tam Nguyen

Analyst (Property)

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3874)

tam.nguyen@yuanta.com.vn

Di Luu

Assistant Analyst

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3845)

di.luu@yuanta.com.vn

Binh Truong

Deputy Head of Research (O&G, Energy)

Tel: +84 28 3622 6868 (3845)

binh.truong@yuanta.com.vn

Tanh Tran

Analyst (Banks)

Tel: +84 28 3622 6868 (ext.3874)

tanh.tran@yuanta.com.vn

An Nguyen

Assistant Analyst

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3845)

an.nguyen@yuanta.com.vn

Institutional Sales

Lawrence Heavey

Head of Institutional Sales

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3835)

lawrence.heavey@yuanta.com.vn

Hien Le

Sales Trader

hien.le@yuanta.com.vn

Dat Bui

Sales Trader

dat.bui@yuanta.com.vn

Tuan-Anh Nguyen

Sales Trader

Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3909)

anh.nguyen2@yuanta.com.vn

Vi Truong

Sales Trader

vi.truong@yuanta.com.vn